

Họ và tên: Lớp:

TOÁN 4 – BÀI 2: ÔN TẬP PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000

Bài 1. Tính giá trị của các biểu thức sau.

a) $1110 + 27\,004 - 4032 = \dots\dots\dots$

b) $22\,372 - 3138 - 15\,132 = \dots\dots\dots$

c) $55\,413 - 54\,611 + 3948 = \dots\dots\dots$

d) $601 + 619 - 200 = \dots\dots\dots$

Bài 2. Điền số thích hợp vào ô trống.

a) $84\,854 - 1605 - \dots\dots\dots = 80\,590$

b) $69\,803 - 68\,868 - \dots\dots\dots = 673$

c) $38\,069 - \dots\dots\dots - 6422 = 31\,509$

d) $11\,438 - \dots\dots\dots - 1716 = 2390$

Bài 3. Điền số thích hợp vào ô trống trong các phép trừ sau.

a) $53\,986 - \dots\dots\dots = 3117$

b) $91\,949 - \dots\dots\dots = 72\,171$

c) $28\,090 - \dots\dots\dots = 10\,284$

d) $7488 - \dots\dots\dots = 2179$

e) $892 - \dots\dots\dots = 311$

f) $92 - \dots\dots\dots = 64$

g) $987 - \dots\dots\dots = 106$

h) $92 - \dots\dots\dots = 89$

Bài 4. Tính các tích sau.

a) $9400 \times 6 = \dots\dots\dots$

b) $8306 \times 8 = \dots\dots\dots$

c) $622 \times 9 = \dots\dots\dots$

d) $2463 \times 9 = \dots\dots\dots$

Bài 5. Điền Đ nếu nhận định đúng, điền S nếu nhận định sai.

a) Thực hiện $33\,827 : 5$ được thương là 6768 và số dư là 2. Nhận định này là

b) Thực hiện $32\,111 : 7$ được thương là 4590 và số dư là 2. Nhận định này là

c) Thực hiện $21\,107 : 8$ được thương là 2637 và số dư là 3. Nhận định này là

d) Thực hiện $29\,029 : 7$ được thương là 4145 và số dư là 0. Nhận định này là

e) Thực hiện $51\,925 : 3$ được thương là 17 308 và số dư là 1. Nhận định này là

f) Thực hiện $99\,153 : 5$ được thương là 19 830 và số dư là 3. Nhận định này là

g) Thực hiện $94\,767 : 9$ được thương là 10 529 và số dư là 6. Nhận định này là

h) Thực hiện $60\,286 : 8$ được thương là 7535 và số dư là 6. Nhận định này là

Bài 6. Tính các phép chia sau; nếu phép chia có dư thì viết thương và số dư.

a) $9144 : 9 = \dots\dots\dots$

b) $40\,850 : 2 = \dots\dots\dots$

c) $78\,072 : 5 = \dots\dots\dots$

d) $33\,622 : 9 = \dots\dots\dots$

Bài 7. Nối mỗi biểu thức số nhân rồi trừ hoặc số trừ đi tích với giá trị đúng.

2267 × 7 – 12 691

21 939

4280 × 2 – 2220

44 232

15 067 × 5 – 31 103

3178

5962 × 9 – 31 719

6340

HÀNH TRÌNH TIỂU HỌC

Bài 8. Nối mỗi số tự nhiên với kết quả làm tròn đúng đến hàng chục.

46 112

47 171

64 330

49 572

46 110

64 330

47 170

49 570

Bài 9. Đặt tính rồi tính các phép nhân sau.

a) $10\,322 \times 5$

$$\begin{array}{r} 10322 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array}$$

b) 1524×5

$$\begin{array}{r} 1524 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array}$$

c) 75×9

$$\begin{array}{r} 75 \\ \times \quad 9 \\ \hline \end{array}$$

d) 121×3

$$\begin{array}{r} 121 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

Bài 10. Điền số thích hợp vào ô trống trong các phép chia sau.

a) : 2 = 7323

b) : 7 = 7349

c) : 3 = 7598

d) : 9 = 5302

e) : 5 = 12\,705

f) : 2 = 47\,088

g) : 7 = 11\,375

h) : 3 = 13\,568

Bài 11. Gia đình bác Nam dự định đi từ quê lên thành phố dài 9692km. Gia đình bác Nam đã đi chặng thứ nhất 5967km và chặng thứ hai 2922km.

Sau hai chặng đi chuyển, quãng đường còn lại phải đi là

Bài 12. Trình bày bài giải của bài toán sau.

Một sân trường hình chữ nhật có chu vi là 210 m và chiều rộng là 48 m. Tính chiều dài của sân trường đó.

Bài giải

.....

.....
.....
Bài 13. Tính giá trị hai vế rồi điền dấu so sánh thích hợp vào chỗ trống.

a) $50\,003 + 12\,105 \dots 38\,288 - 15\,094 - 5906$

b) $69\,866 - 14\,048 - 47\,173 \dots 22\,010 + 41\,001 + 662$

c) $9826 \times 2 \dots 74\,718 : 2$

d) $(1955 + 10\,002) \times 3 \dots (25\,884 - 19\,249) \times 3$

Bài 14. Giải bài toán sau.

Kho sách của thư viện có 78 585 quyển sách. Kho sách của thư viện chuyển đều sách cho 7 lớp, mỗi lớp nhận 9797 quyển sách. Sau khi phát, kho sách còn lại bao nhiêu quyển sách?

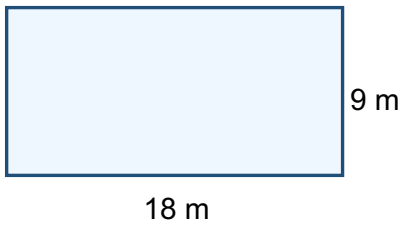
Bài giải

.....
.....
.....
.....
Bài 15. Trong 8 giờ, các bạn trong lớp đóng gói được 672 gói quà. Mỗi giờ các bạn đóng gói được số gói quà như nhau. Nếu làm trong 6 giờ thì các bạn trong lớp đóng gói được bao nhiêu gói quà?

Trình bày lời giải để tìm số gói quà các bạn trong lớp đóng gói được trong 6 giờ.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
Bài 16. Một phòng sinh hoạt hình chữ nhật có chiều dài 18 m, chiều rộng 9 m. Người ta dùng các viên gạch hình vuông cạnh 6 dm để lát kín nền phòng, không tính mạch vữa và hao hụt. Quan sát hình minh họa sau:



Phòng sinh hoạt



Viên gạch

Cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát kín toàn bộ phòng sinh hoạt?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

